

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN
NGÂN HÀNG CÔNG THƯƠNG VIỆT NAM
BÁO CÁO TỶ LỆ AN TOÀN TÀI CHÍNH
tại thời điểm 30 tháng 6 năm 2013 đã được soát xét



MỤC LỤC

	Trang
Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc	3 – 4
Báo cáo kết quả công tác soát xét	5
Báo cáo tỷ lệ an toàn tài chính	6 – 14
Bảng tính vốn khả dụng	6 – 9
Bảng tính giá trị rủi ro	10 – 13
Bảng tổng hợp các chỉ tiêu rủi ro và vốn khả dụng	14

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Chứng khoán Ngân hàng Công thương Việt Nam (sau đây gọi tắt là “Công ty”) trình bày Báo cáo này cùng với Báo cáo tỷ lệ an toàn tài chính tại thời điểm 30 tháng 6 năm 2013 đã được soát xét bởi các kiểm toán viên độc lập.

KHÁI QUÁT VỀ CÔNG TY

Công ty Cổ phần Chứng khoán Ngân hàng Công thương Việt Nam là Doanh nghiệp Nhà nước cổ phần hóa (trước đây là Công ty TNHH Chứng khoán Ngân hàng Công thương Việt Nam), được thành lập và hoạt động theo Giấy phép hoạt động kinh doanh Chứng khoán số 107/UBCK - GP ngày 01 tháng 7 năm 2009 của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp.

Vốn điều lệ của Công ty theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh là **789.934.000.000 đồng**.

Hoạt động chính của Công ty trong kỳ kế toán kết thúc tại ngày 30 tháng 6 năm 2013 bao gồm:

- Môi giới chứng khoán;
- Tự doanh chứng khoán;
- Bảo lãnh phát hành chứng khoán;
- Tư vấn tài chính, tư vấn đầu tư chứng khoán;
- Lưu ký chứng khoán.

Ngoài ra, Công ty không có hoạt động nào khác làm thay đổi chức năng kinh doanh đã được cấp phép.

Trụ sở chính của Công ty đặt tại số 306 Bà Triệu, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội.

TÌNH HÌNH TỶ LỆ AN TOÀN TÀI CHÍNH

Tình hình tỷ lệ an toàn tài chính tại thời điểm 30 tháng 6 năm 2013 của Công ty được trình bày trong Báo cáo tỷ lệ an toàn tài chính đính kèm báo cáo này (từ trang 06 đến trang 14).

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Các thành viên của Hội đồng quản trị đến thời điểm lập báo cáo này gồm:

Bà Đỗ Thị Thủy	Chủ tịch
Ông Đỗ Linh Phương	Ủy viên
Ông Vũ Trung Thành	Ủy viên
Bà Phạm Thị Thanh Hoài	Ủy viên
Ông Bạch Nguyễn Vũ	Ủy viên

BAN TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ KẾ TOÁN TRƯỞNG

Các thành viên của Ban Tổng Giám đốc và Kế toán trưởng đến thời điểm lập báo cáo này gồm:

Ông Đỗ Linh Phương	Tổng Giám đốc
Ông Nguyễn Thọ Phùng	Phó Tổng Giám đốc
Ông Nguyễn Minh Giang	Phó Tổng Giám đốc
Ông Bạch Nguyễn Vũ	Phó Tổng Giám đốc
Bà Phan Hải Sâm	Kế toán trưởng

KIỂM TOÁN VIÊN

Chi nhánh Công ty TNHH Dịch vụ Tư vấn Tài chính Kế toán và Kiểm toán Nam Việt (AASCN) đã soát xét Báo cáo tỷ lệ an toàn tài chính tại thời điểm 30 tháng 6 năm 2013.

CÔNG BỐ TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC ĐỐI VỚI BÁO CÁO TỶ LỆ AN TOÀN TÀI CHÍNH

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập Báo cáo tỷ lệ an toàn tài chính phản ánh trung thực, hợp lý các chỉ tiêu an toàn tài chính của Công ty tại thời điểm 30 tháng 6 năm 2013. Trong quá trình lập Báo cáo tỷ lệ an toàn tài chính, Ban Tổng Giám đốc Công ty cam kết đã tuân thủ các yêu cầu sau:

- Thực hiện các phán đoán và ước tính một cách thận trọng khi tính các chỉ tiêu của Báo cáo tỷ lệ an toàn tài chính;
- Lập báo cáo tỷ lệ an toàn tài chính dựa trên cơ sở hoạt động liên tục, trừ trường hợp không thể giả định rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động liên tục.

Ban Tổng Giám đốc Công ty đảm bảo rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên khi lập Báo cáo tỷ lệ an toàn tài chính và Báo cáo tỷ lệ an toàn tài chính được lập tuân thủ Thông tư số 226/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2010 của Bộ Tài Chính và Thông tư số 165/2012/TT-BTC ngày 09 tháng 10 năm 2012 sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 226/2010/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2010 của Bộ Tài chính về việc quy định các chỉ tiêu an toàn tài chính và biện pháp xử lý đối với tổ chức kinh doanh chứng khoán không đáp ứng chỉ tiêu an toàn tài chính.

Hà Nội, ngày 23 tháng 7 năm 2013

TM. Ban Tổng Giám đốc
Tổng Giám đốc



Đỗ Linh Phương

Số: 226/2013/BCSX-AASCN

BÁO CÁO KẾT QUẢ CÔNG TÁC SOÁT XÉT
về Báo cáo tỷ lệ an toàn tài chính tại thời điểm 30 tháng 6 năm 2013
của Công ty Cổ phần Chứng khoán Ngân hàng Công thương Việt Nam

Kính gửi: HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC
CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN NGÂN HÀNG CÔNG THƯƠNG VIỆT NAM

Chúng tôi đã thực hiện soát xét Báo cáo tỷ lệ an toàn tài chính tại thời điểm 30 tháng 6 năm 2013 của Công ty Cổ phần Chứng khoán Ngân hàng Công thương Việt Nam được lập ngày 23 tháng 7 năm 2013. Báo cáo tỷ lệ an toàn tài chính kèm theo được lập theo quy định tại Thông tư số 226/2010/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2010 của Bộ Tài chính và Thông tư số 165/2012/TT-BTC ngày 09 tháng 10 năm 2012 sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 226/2010/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2010 của Bộ Tài chính về việc quy định các chỉ tiêu an toàn tài chính và biện pháp xử lý đối với tổ chức kinh doanh chứng khoán không đáp ứng chỉ tiêu an toàn tài chính được trình bày từ trang 06 đến trang 14 kèm theo.

Việc lập và trình bày Báo cáo tỷ lệ an toàn tài chính này thuộc trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc Công ty. Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra Báo cáo nhận xét về Báo cáo tỷ lệ an toàn tài chính này trên cơ sở công tác soát xét của chúng tôi.

Chúng tôi đã thực hiện công tác soát xét Báo cáo tài chính theo chuẩn mực kiểm toán Việt Nam số 910 - Công tác soát xét báo cáo tài chính. Chuẩn mực này yêu cầu công tác soát xét phải lập kế hoạch và thực hiện để có sự đảm bảo vừa phải rằng Báo cáo tỷ lệ an toàn tài chính không còn chứa đựng những sai sót trọng yếu. Công tác soát xét bao gồm chủ yếu là việc trao đổi với nhân sự của Công ty Cổ phần Chứng khoán Ngân hàng Công thương Việt Nam và áp dụng các thủ tục phân tích trên những thông tin tài chính; công tác này cung cấp một mức độ đảm bảo thấp hơn công tác kiểm toán. Chúng tôi không thực hiện công việc kiểm toán nên cũng không đưa ra ý kiến kiểm toán.

Trên cơ sở công tác soát xét của chúng tôi, chúng tôi không thấy có sự kiện nào để chúng tôi cho rằng việc lập và trình bày Báo cáo tỷ lệ an toàn tài chính của Công ty Cổ phần Chứng khoán Ngân hàng Công thương Việt Nam tại thời điểm 30 tháng 6 năm 2013 đính kèm theo đây không phản ánh trung thực và hợp lý trên các khía cạnh trọng yếu, phù hợp với quy định của Thông tư 226/2010/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2010 của Bộ Tài chính và Thông tư số 165/2012/TT-BTC ngày 09 tháng 10 năm 2012 sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 226/2010/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2010 của Bộ Tài chính về việc quy định các chỉ tiêu an toàn tài chính và biện pháp xử lý đối với tổ chức kinh doanh chứng khoán không đáp ứng chỉ tiêu an toàn tài chính.

Hà Nội, ngày 23 tháng 7 năm 2013

**Chi nhánh Công ty TNHH Dịch vụ Tư vấn
Tài chính Kế toán và Kiểm toán Nam Việt**

Giám đốc



Bùi Ngọc Vương
Số Giấy CN ĐKHN
kiểm toán: 0941-2013-152-1

Kiểm toán viên



Bùi Ngọc Hà
Số Giấy CN ĐKHN
kiểm toán: 0662-2013-152-1

Headquarters

29 Hoang Sa Str., Dist. 1, Hochiminh City
Tel: (84-08) 3910 4881 * Fax: (84-08) 3910 4880
Email: infohcm@aascn.com.vn * Web: www.aascn.com.vn

Branch in Hanoi

No15, Alley 640, Lang Road, Dong Da Dist., Hanoi
Tel: (84-04) 3793 1428 * Fax: (84-04) 3793 1429
Email: admin@namviethn.vn

BÁO CÁO TỶ LỆ AN TOÀN TÀI CHÍNH
Tại thời điểm 30 tháng 6 năm 2013

Đơn vị tính: VND

I. BẢNG TÍNH VỐN KHẢ DỤNG

STT	NỘI DUNG	Vốn khả dụng		
		VKD	Khoản giảm trừ	Khoản tăng thêm
A	NGUỒN VỐN CHỦ SỞ HỮU	(1)	(2)	(3)
1.	Vốn đầu tư của chủ sở hữu không bao gồm cổ phần ưu đãi hoàn lại (nếu có)	789.934.000.000	-	-
2.	Thặng dư vốn cổ phần, vốn khác không bao gồm cổ phần ưu đãi hoàn lại (nếu có)	1.920.020.630	-	-
3.	Cổ phiếu quỹ	(8.989.300.000)	-	-
4.	Quỹ dự trữ bổ sung vốn điều lệ (nếu có)	10.916.698.457	-	-
5.	Quỹ đầu tư phát triển	-	-	-
6.	Quỹ dự phòng tài chính	10.916.698.457	-	-
7.	Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	-	-	-
8.	Lợi nhuận lũy kế và lợi nhuận chưa phân phối trước khi trích lập các khoản dự phòng theo quy định của pháp luật	115.423.300.792	-	-
9.	Chênh lệch đánh giá lại tài sản (50% tăng thêm hoặc 100% giảm đi)	-	-	-
10.	Chênh lệch tỷ giá hối đoái	-	-	-
11.	Lợi ích của cổ đông thiểu số	-	-	-
12.	Các khoản nợ có thể chuyển đổi	-	-	-
13.	Toàn bộ phần giảm đi hoặc tăng thêm của các chứng khoán tại chi tiêu đầu tư tài chính	-	65.512.636	12.775.676.571
1A	TỔNG	920.121.418.336	65.512.636	12.775.676.571

I. BẢNG TÍNH VỐN KHẢ DỤNG (tiếp theo)

Đơn vị tính: VND			
STT	NỘI DUNG	Vốn khả dụng	
		VKD	Khoản tăng thêm
IV	Hàng tồn kho		88.515.980
V	Tài sản ngắn hạn khác		586.871.292
1.	Chi phí trả trước ngắn hạn		576.871.292
2.	Thuế GTGT được khấu trừ		-
3.	Thuế và các khoản phải thu Nhà nước		-
4.	Tài sản ngắn hạn khác		-
4.1	Tạm ứng		-
	Tạm ứng có thời hạn hoàn ứng còn lại từ 90 ngày trở xuống		-
	Tạm ứng có thời hạn hoàn ứng còn lại trên 90 ngày		-
4.2	Tài sản ngắn hạn khác		10.000.000
1B	TỔNG	10.271.218.368	-
C	TÀI SẢN DÀI HẠN	(1)	(2)
I	Các khoản phải thu dài hạn, kể cả phải thu từ hoạt động ủy thác		(3)
1.	Phải thu dài hạn của khách hàng		-
	Phải thu dài hạn của khách hàng có thời hạn thanh toán còn lại từ 90 ngày trở xuống		-
	Phải thu dài hạn của khách hàng có thời hạn thanh toán còn lại trên 90 ngày		-
2.	Vốn kinh doanh ở đơn vị trực thuộc		-
3.	Phải thu dài hạn nội bộ		-
	Phải thu dài hạn nội bộ có thời hạn thanh toán còn lại từ 90 ngày trở xuống		-
	Phải thu dài hạn nội bộ có thời hạn thanh toán còn lại trên 90 ngày		-
4.	Phải thu dài hạn khác		-
	Phải thu dài hạn khác có thời hạn thanh toán còn lại từ 90 ngày trở xuống		-
	Phải thu dài hạn khác có thời hạn thanh toán còn lại trên 90 ngày		-
1.5	Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi		-

I. BẢNG TÍNH VỐN KHẢ DỤNG (tiếp theo)

Đơn vị tính: VND				
STT	NỘI DUNG	Vốn khả dụng		
		VKD	Khoản giảm trừ	Khoản tăng thêm
II	Tài sản cố định		6.114.958.864	-
III	Bất động sản đầu tư		-	-
IV	Các khoản đầu tư tài chính dài hạn		-	
1.	Đầu tư vào công ty con		-	-
2.	Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh		-	-
3.	Đầu tư chứng khoán dài hạn		-	-
	Chứng khoán tiềm ẩn rủi ro thị trường theo quy định tại khoản 2 Điều 8		-	
	Chứng khoán bị giảm trừ khỏi vốn khả dụng theo quy định tại khoản 5 Điều 5		-	-
4.	Đầu tư dài hạn khác		-	-
5.	Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn		-	-
V	Tài sản dài hạn khác		20.278.113.715	
	Các chỉ tiêu tài sản bị coi là khoản ngoại trừ tại báo cáo tài chính năm đã được kiểm toán mà không bị tính giảm trừ theo quy định tại Điều 5		-	-
IC	TỔNG	-	26.393.072.579	-
VỐN KHẢ DỤNG = 1A - 1B - 1C			896.167.291.325	

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN NGÂN HÀNG CÔNG THƯƠNG VIỆT NAM

306 Bà Triệu – quận Hai Bà Trưng – thành phố Hà Nội

Báo cáo tỷ lệ an toàn tài chính (tiếp theo)

II. BẢNG TÍNH GIÁ TRỊ RỦI RO

Đơn vị tính: VND

A. RỦI RO THỊ TRƯỜNG		Các hạng mục đầu tư		Hệ số rủi ro (1)	Quy mô rủi ro (2)	Giá trị rủi ro (3)= (1)x(2)
I. Tiền và các khoản tương đương tiền, công cụ thị trường tiền tệ						
1.	Tiền (VND)				414.513.324.132	-
2.	Các khoản tương đương tiền, tiền gửi có kỳ hạn			0%	241.067.340.137	-
3.	Giấy tờ có giá, công cụ chuyển nhượng trên thị trường tiền tệ, chứng chỉ tiền gửi			0%	173.445.983.995	-
II. Trái phiếu Chính phủ						
4.	Trái phiếu Chính phủ không trả lãi				4.001.960.002	120.058.800
5.	Trái phiếu Chính phủ trả lãi suất cố định				4.001.960.002	120.058.800
5.1	Trái phiếu Chính phủ, Trái phiếu Chính phủ các nước thuộc khối OECD hoặc được bảo lãnh bởi Chính phủ hoặc Ngân hàng Trung ương của các nước thuộc khối này, Trái phiếu được phát hành bởi các tổ chức quốc tế IBRD, ADB, IADB, AfDB, EIB và EBRD			3%	4.001.960.002	120.058.800
	Trái phiếu công trình được Chính phủ, Bộ Tài chính bảo lãnh có thời gian đáo hạn còn lại dưới 1 năm;					-
5.2	Trái phiếu công trình được Chính phủ, Bộ Tài chính bảo lãnh có thời gian đáo hạn còn lại từ 1 tới 5 năm;					-
	Trái phiếu công trình được Chính phủ, Bộ Tài chính bảo lãnh có thời gian đáo hạn còn lại từ 5 năm trở lên;					-
III. Trái phiếu doanh nghiệp					471.292.389.914	128.355.435.132
	Trái phiếu niêm yết có thời gian đáo hạn còn lại dưới 1 năm, kể cả trái phiếu chuyển đổi					-
6.	Trái phiếu niêm yết có thời gian đáo hạn từ 1 tới 5 năm, kể cả trái phiếu chuyển đổi					
	Trái phiếu niêm yết có thời gian đáo hạn từ 5 năm trở lên, kể cả trái phiếu chuyển đổi					
	Trái phiếu không niêm yết có thời gian đáo hạn còn lại dưới 1 năm, kể cả trái phiếu chuyển đổi			25%	366.715.694.445	91.678.923.611
7.	Trái phiếu không niêm yết có thời gian đáo hạn từ 1 tới 5 năm, kể cả trái phiếu chuyển đổi			30%	51.541.666.667	15.462.500.000
	Trái phiếu không niêm yết có thời gian đáo hạn từ 5 năm trở lên, kể cả trái phiếu chuyển đổi			40%	53.035.028.802	21.214.011.521

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN NGÂN HÀNG CÔNG THƯƠNG VIỆT NAM
 306 Bà Triệu – quận Hai Bà Trưng – thành phố Hà Nội
Báo cáo tỷ lệ an toàn tài chính (tiếp theo)

II. BẢNG TÍNH GIÁ TRỊ RỦI RO (Tiếp theo)

Đơn vị tính: VND

Các hạng mục đầu tư		Hệ số rủi ro		Quy mô rủi ro	Giá trị rủi ro
		(1)	(2)	(3)= (1)x(2)	
IV.	Cổ phiếu			160.859.325.435	80.309.628.851
8.	Cổ phiếu phổ thông, cổ phiếu ưu đãi của các tổ chức niêm yết tại Sở Giao dịch Chứng khoán Hồ Chí Minh; chứng chỉ quỹ mở	10%		14.826.700	1.482.670
9.	Cổ phiếu phổ thông, cổ phiếu ưu đãi của các tổ chức niêm yết tại Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội	15%		109.264.900	16.389.735
10.	Cổ phiếu phổ thông, cổ phiếu ưu đãi của công ty đại chúng chưa niêm yết, đăng ký giao dịch qua hệ thống UpCom	20%		740.600	148.120
11.	Cổ phiếu phổ thông, cổ phiếu ưu đãi của các công ty đại chúng đã đăng ký lưu ký, nhưng chưa niêm yết hoặc đăng ký giao dịch; cổ phiếu đang trong đợt phát hành lần đầu (IPO)	30%		378.191.457	113.457.437
12.	Cổ phiếu của các công ty đại chúng khác	50%		160.356.301.778	80.178.150.889
V.	Chứng chỉ quỹ đầu tư chứng khoán			-	-
13.	Quỹ đại chúng, bao gồm cả Công ty đầu tư	10%		-	-
14.	Quỹ thành viên, Công ty đầu tư chứng khoán			-	954.726
VI.	Chứng khoán bị hạn chế giao dịch			1.909.451	-
15.	Chứng khoán bị tạm ngừng giao dịch			-	954.726
16.	Chứng khoán bị hủy niêm yết, hủy giao dịch	50%		-	-
VII.	Chứng khoán khác			-	-
17.	Cổ phần, phần vốn góp và các loại chứng khoán khác			-	-
18.	Các tài sản đầu tư khác			-	-
VIII.	Rủi ro tăng thêm (nếu có) (được xác định trên cơ sở vốn chủ sở hữu đã trích lập đầy đủ các khoản dự phòng)			91.678.923.611	13.333.024.306
Mã chứng khoán		Mức tăng thêm	Q.mô rủi ro	Giá trị rủi ro	
1.	Trái phiếu SUNGROUP	10%		25.000.000.000	2.500.000.000
2.	Trái phiếu VGP BOND2013	20%		41.651.319.445	8.330.263.889
3.	Trái phiếu BANA	10%		25.027.604.167	2.502.760.417
A. TỔNG GIÁ TRỊ RỦI RO THỊ TRƯỜNG (A= I + II + III + IV + V + VI + VII + VIII)				222.119.101.814	

II. BẢNG TÍNH GIÁ TRỊ RỦI RO (Tiếp theo)

Đơn vị tính: VND

B. RỦI RO THANH TOÁN						
Loại hình giao dịch		Giá trị rủi ro				Tổng giá trị rủi ro
		(1)	(2)	(3)	(4)	
I.	Rủi ro trước thời hạn thanh toán					10.289.285.000
1.	Tiền gửi kỳ hạn và các khoản tiền cho vay không có tài sản bảo đảm và các khoản phải thu từ hoạt động giao dịch và nghiệp vụ kinh doanh chứng khoán					10.289.285.000
2.	Cho vay chứng khoán/các thỏa thuận kinh tế có cùng bản chất					
3.	Vay chứng khoán/các thỏa thuận kinh tế có cùng bản chất					
4.	Hợp đồng mua chứng khoán có cam kết bán lại/các thỏa thuận kinh tế có cùng bản chất					
5.	Hợp đồng bán chứng khoán có cam kết mua lại/các thỏa thuận kinh tế có cùng bản chất					
6.	Hợp đồng cho vay mua ký quỹ (cho khách hàng vay mua chứng khoán)/Các thỏa thuận kinh tế có cùng bản chất					
II. Rủi ro quá thời hạn thanh toán						
Thời gian quá hạn		Hệ số rủi ro		Quy mô rủi ro		Giá trị rủi ro
1.	0-15 ngày sau thời hạn thanh toán, chuyển giao chứng khoán	16%				
2.	16 – 30 ngày sau thời hạn thanh toán, chuyển giao chứng khoán	32%				
3.	31 – 60 ngày sau thời hạn thanh toán, chuyển giao chứng khoán	48%				
4.	Từ 60 ngày trở đi	100%				

II. BẢNG TÍNH GIÁ TRỊ RỦI RO (Tiếp theo)

Đơn vị tính: VND

III. Rủi ro tăng thêm (nếu có)				
Chi tiết tới từng khoản vay, tới từng đối tác		Mức tăng thêm	Quy mô rủi ro	Giá trị rủi ro
I				
B. TỔNG GIÁ TRỊ RỦI RO THANH TOÁN (B=I + II + III)				
C. RỦI RO HOẠT ĐỘNG (TÍNH TRONG VÒNG 12 THÁNG)				
I.	Tổng chi phí hoạt động phát sinh trong vòng 12 tháng			72.396.454.195
II.	Các khoản giảm trừ khỏi tổng chi phí			
1.	Chi phí khấu hao			5.799.483.958
2.	Dự phòng giảm giá đầu tư chứng khoán ngắn hạn			(7.938.507.439)
3.	Dự phòng giảm giá đầu tư chứng khoán dài hạn			-
4.	Dự phòng phải thu khó đòi			-
III.	Tổng chi phí sau khi giảm trừ (III = I - II)			74.535.477.676
IV.	25% Tổng chi phí sau khi giảm trừ (IV = 25% III)			18.633.869.419
V.	20% Vốn pháp định của tổ chức kinh doanh chứng khoán			60.000.000.000
C. TỔNG GIÁ TRỊ RỦI RO HOẠT ĐỘNG (C=Max {IV, V})				
D. TỔNG GIÁ TRỊ RỦI RO (A+B+C)				
				292.408.386.814

III. BẢNG TỔNG HỢP CÁC CHỈ TIÊU RỦI RO VÀ VỐN KHẢ DỤNG

Đơn vị tính: VND

STT	Các chỉ tiêu	Giá trị rủi ro/vốn khả dụng	Ghi chú (nếu có)
1.	Tổng giá trị rủi ro thị trường	222.119.101.814	
2.	Tổng giá trị rủi ro thanh toán	10.289.285.000	
3.	Tổng giá trị rủi ro hoạt động	60.000.000.000	
4.	Tổng giá trị rủi ro (4=1+2+3)	292.408.386.814	
5.	Vốn khả dụng	896.167.291.325	
6.	Tỷ lệ Vốn khả dụng (6=5/4)	306%	

Báo cáo tỷ lệ an toàn tài chính tại thời điểm 30 tháng 6 năm 2013 của Công ty Cổ phần Chứng khoán Ngân hàng Công thương Việt Nam được lập trên cơ sở số liệu Báo cáo tài chính cho kỳ kế toán từ ngày 01 tháng 01 năm 2013 đến ngày 30 tháng 6 năm 2013 đã được kiểm toán bởi Chi nhánh Công ty TNHH Dịch vụ tư vấn Tài chính kế toán và kiểm toán Nam Việt, phù hợp với các quy định tại Thông tư số 226/2010/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2010 của Bộ Tài chính và thông tư số 165/2012/TT-BTC ngày 09 tháng 10 năm 2012 sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 226/2010/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2010 của Bộ Tài chính về việc quy định các chỉ tiêu an toàn tài chính và biện pháp xử lý đối với tổ chức kinh doanh chứng khoán không đáp ứng chỉ tiêu an toàn tài chính.

Người lập biểu

Kế toán trưởng

T.P Kiểm Soát

Hà Nội, ngày 23 tháng 7 năm 2013

Tổng Giám đốc




Nguyễn Thị Ngọc Anh

Phan Hải Sâm





Đinh Huy Kiên

Đỗ Linh Phương